

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-ST
Ngày: 09-9-2020
V/v Tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Ân.
2. Ông Nguyễn Vĩnh Thạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2020/QĐST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1971. (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Bé H**, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Lê Hồng D**, sinh năm 1968. (vắng mặt)

- Bà **Lê Thị X**, sinh năm 1955. (có đơn xin vắng mặt)

- Bà **Ngô Thị Hồng Th**, sinh năm 1952. (có đơn xin vắng mặt)

- Bà **Nguyễn Kim T**, sinh năm 1989. (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:**

Bà có tham gia hội do bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D làm chủ hội, cụ thể:

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 30/9/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần. Bà tham gia 03 phần, đã hót 02 phần, còn lại 01 phần đã góp được 15 lần x 1.000.000 đồng/lần = 15.000.000 đồng.

- Hội mùa 2.000.000 đồng, 03 tháng khai 01 lần, khai ngày 20/7/2017 (âm lịch), gồm có 15 phần. Bà tham gia 01 phần hội, đã góp được 06 lần x 2.000.000 đồng/lần = 12.000.000 đồng.

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/12/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần. Bà tham gia 01 phần, đã góp được 13 lần x 1.000.000 đồng/lần = 13.000.000 đồng.

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05/7/2018 (âm lịch), gồm có 16 phần. Bà tham gia 02 phần, đã góp được 06 lần x 2.000.000 đồng/lần = 12.000.000 đồng.

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/7/2018 (âm lịch), gồm có 16 phần. Bà tham gia 02 phần, đã đóng được 06 lần x 2.000.000 đồng/lần = 12.000.000 đồng.

Tổng số tiền hội bà đã góp cho bà H, ông D là 64.000.000 đồng. Bà chưa hót các dây hội trên thì bà H tuyên bố bế hội và không trả lại số tiền hội cho bà. Nay bà yêu cầu bà H và ông D trả lại cho bà số tiền hội là 64.000.000 đồng (*Sáu mươi bốn triệu đồng*).

*** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lê Hồng D trình bày:**

Ông và bà Nguyễn Thị Bé H là vợ chồng, cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu vực 12, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Bà H có làm chủ hội khoảng 10 năm nay, đến khoảng tháng 9 năm 2019 thì bế hội. Do kinh tế gia đình quá khó khăn không có khả năng trả tiền hội cho các hội viên nên đến tháng 10/2019, ông và bà H đi đến tỉnh Bình Dương tìm việc làm.

Khi bà Bé H làm chủ hội, bà Nguyễn Thị L có tham gia chơi hội nhưng ông không biết bà L tham gia bao nhiêu chân hội. Ông thừa nhận bà H có nợ tiền hội của bà L nhưng hiện nay ông chưa xác định được số tiền hội bà H nợ bà L là bao nhiêu. Do bận đi làm nên bà H không đến Tòa án được, ông và bà H sẽ tính toán lại số hội để xác định số tiền hội còn nợ bà L.

Mặc dù việc tổ chức hội là do bà H tự làm, ông không có tham gia nhưng do là vợ chồng nên ông đồng ý cùng bà H chịu trách nhiệm trả lại cho bà L số tiền hội thực tế bà L đã đóng, yêu cầu bà L không tính tiền lãi.

*** Tại Đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thị X trình bày:**

Bà có tham gia bà Nguyễn Thị L có tham gia chung 03 dây hội gồm:

- Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/7/2018 (âm lịch), gồm có 16 phần. Bà tham gia 02 phần hụi.

- Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 30/9/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần. Bà tham gia 01 phần hụi.

- Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05/7/2018 (âm lịch), gồm có 16 phần. Bà tham gia 02 phần hụi.

Do bận công việc nên bà xin được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

*** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Ngô Thị Hồng Th trình bày:**

Bà và bà Nguyễn Thị L có quen biết nhau vì cùng tham gia hụi do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hụi. Bà và bà L có tham gia chung 04 dây hụi do bà H làm chủ hụi gồm:

- Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 30/9/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần, bà tham gia 02 phần, còn bà L thì tham gia 03 phần. Phần hụi này bà đã góp được 30.000.000 đồng, bà L đã góp được 15.000.000 đồng. Do bề hụi nên bà H chưa giao tiền hụi cho bà và bà L.

- Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/12/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần, bà tham gia 02 phần, còn bà L thì tham gia 01 phần. Phần hụi này bà đã góp được 24.000.000 đồng, bà L đã góp được 13.000.000 đồng. Do bề hụi nên bà H chưa giao tiền hụi cho bà và bà L.

- Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05/7/2018 (âm lịch), gồm có 16 phần. Bà tham gia 03 phần, còn bà L thì tham gia 01 phần. Phần hụi này bà đã góp được 15.000.000 đồng, bà L đã góp được bao nhiêu tiền thì bà không biết nhưng bà biết bà L chưa hót hụi này. Do bề hụi nên bà Bé H chưa giao tiền hụi cho bà và bà L.

- Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/7/2018 (âm lịch), gồm có 16 phần, bà tham gia 01 phần, còn bà L thì tham gia 01 phần. Phần hụi này bà đã hót xong, bà L đã góp được bao nhiêu tiền thì bà không biết nhưng bà biết bà L chưa hót hụi này.

Bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên bà yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

*** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Kim T trình bày:**

Bà và bà Nguyễn Thị L có quen biết nhau vì cùng chơi hụi do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hụi. Bà và bà L có tham gia chung 01 dây hụi do bà Bé H làm chủ hụi gồm: Hụi mùa 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/7/2017 (âm lịch), gồm có 15 phần. Bà tham gia 01 phần, bà L cũng tham gia 01 phần. Phần hụi này bà và bà L đóng được 6 lần x 2.000.000 đồng/lần = 12.000.000 đồng thì bề hụi. Bà chưa hót hụi, còn bà L đã hót hụi chưa thì bà không biết.

Bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên bà yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà L yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D cùng chịu trách nhiệm trả cho bà số tiền hui là 46.175.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng D vắng mặt không có lý do; bà Lê Thị X, bà Ngô Thị Hồng Th và bà Nguyễn Kim T có đơn xin vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hui”, xác định tư cách đương sự và tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định.

+ Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà L, ông D, bà X, bà Th và bà T cùng xác định bà H có làm chủ hui, quá trình làm hui có phát sinh tranh chấp nên bà L khởi kiện, do đó quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hui*”. Đây là tranh chấp dân sự giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 và Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do; bà Lê Thị X, bà Ngô Thị Hồng Th và bà Nguyễn Kim T có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Từ năm 2017 đến năm 2018, bà H có làm chủ hội nhiều dây hội, bà L có tham gia chơi 05 dây hội, cụ thể:

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 30/9/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần, hội viên gồm có bà L, bà X, bà Th và một số người khác không rõ họ tên và địa chỉ. Bà L tham gia 03 phần, đã hót 02 phần, còn lại 01 phần chưa hót, bà L đã góp được 15 lần, trung bình mỗi lần góp khoảng 750.000 đồng/phần, tổng số tiền bà L đã góp cho 01 phần hội chưa hót là 11.250.000 đồng. Bà Th đã góp được 30.000.000 đồng, bà X tham gia 01 phần hội (không rõ số tiền đã góp). Bà L và bà Th chưa hót hội, không rõ bà X đã hót hội chưa.

- Hội mùa 2.000.000 đồng, khai ngày 20/7/2017 (âm lịch), gồm có 15 phần, hội viên gồm có bà L, bà T và một số người khác không rõ họ tên và địa chỉ. Bà L tham gia 01 phần và đã góp 06 lần, trung bình mỗi lần góp khoảng 1.350.000 đồng, tổng số tiền bà L đã góp là 8.100.000 đồng; bà T tham gia 01 phần và đã hót hội xong. Bà L chưa hót hội.

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 20/12/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần, hội viên gồm có bà L, bà Th và một số người khác không rõ họ tên và địa chỉ. Bà L tham gia 01 phần và đã góp 13 lần, trung bình mỗi lần góp khoảng 725.000 đồng, tổng số tiền bà L đã góp là 9.425.000 đồng; bà Th đã góp số tiền 24.000.000 đồng. Bà L và bà Th chưa hót hội.

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05/7/2018 (âm lịch), gồm có 16 phần, hội viên gồm có bà L, bà X, bà Th và một số người khác không rõ họ tên và địa chỉ. Bà L tham gia 02 phần và đã góp 06 lần, trung bình mỗi lần góp khoảng 725.000 đồng/phần, tổng số tiền bà L đã góp cho 02 phần hội là 8.700.000 đồng; bà Th đã góp số tiền 15.000.000 đồng, bà X tham gia 02 phần hội (không rõ số tiền đã góp). Bà L và bà Th chưa hót hội, không rõ bà X đã hót hội chưa.

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/7/2018 (âm lịch), gồm có 16 phần, hội viên gồm có bà L, bà X, bà Th và một số người khác không rõ họ tên và địa chỉ. Bà L tham gia 02 phần và đã góp 06 lần, trung bình mỗi lần góp khoảng 725.000 đồng/phần, tổng số tiền bà L đã góp cho 02 phần hội là 8.700.000 đồng; bà Th tham gia 01 phần hội, bà X tham gia 02 phần hội (không rõ số tiền bà Th và bà X đã góp). Bà L chưa hót hội, bà Th đã hót hội, không rõ bà X đã hót hội chưa.

Nay bà L khởi kiện yêu cầu bà H, ông D trả số tiền hội là 46.175.000 đồng. Bà X, bà Th và bà T không có yêu cầu trong vụ án này.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, bà L yêu cầu bà H, ông D trả cho bà số tiền 64.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà L có thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà L chỉ yêu cầu bà H, ông D trả số tiền hội là 46.175.000 đồng. Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, có quyền

chấm dứt hoặc thay đổi yêu cầu của mình. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi đơn khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà L có cung cấp 05 tờ giấy hội viết tay thể hiện 05 dây hội ngày 30/9/2017, ngày 20/7/2017, ngày 20/12/2017, ngày 05/7/2018 và 10/7/2018 (cùng tính theo ngày âm lịch). Theo bà L đây là các giấy hội do bà H tự ghi và đưa cho bà và các hội viên. Bà chỉ biết bà có chơi hội cùng với bà X, bà Th và bà T, còn lại tên của những người khác trong giấy hội thì bà không biết. Trong quá trình tham gia hội, bà H không cho các hội viên biết cụ thể những ai đã hót hội, do tin tưởng nên bà vẫn góp hội đầy đủ cho bà H, đến khi bế hội thì bà mới biết có một số dây hội mặc dù đã mãn nhưng vẫn còn nhiều người chưa được hót hội.

Bà bà X, bà Th và bà T đều thừa nhận các dây hội trên là có thật. Ông D thừa nhận việc bà H có nợ tiền hội của bà L nhưng không xác định được cụ thể bao nhiêu tiền. Do bà H và ông D đã vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không đưa ra ý kiến phản bác đối với chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của bà L nên Hội đồng xét xử xem xét đối chiếu lời khai của các đương sự cùng với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, từ đó đã có cơ sở để xác định tổng số tiền hội bà H còn nợ bà L đối với 05 dây hội ngày 30/9/2017, ngày 20/7/2017, ngày 20/12/2017, ngày 05/7/2018 và 10/7/2018 (ngày âm lịch) là 46.175.000 đồng.

Đối với ông D là chồng của bà H, mặc dù không trực tiếp tổ chức các dây hội trên nhưng theo bà L thì ông D là người thu tiền hội của bà góp cho bà H; đồng thời, ông D cũng tự nguyện cùng bà H trả số tiền hội mà bà H còn nợ bà L. Do đó, cần buộc ông D liên đới chịu trách nhiệm cùng bà H trả cho bà L số tiền 46.175.000 đồng là phù hợp quy định điều 27 Luật Hôn nhân gia đình.

Đối với bà Lê Thị X, bà Ngô Thị Hồng Th và bà Nguyễn Kim T có tham gia một số dây hội cùng với bà L nhưng các đương sự không có yêu cầu gì trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên ông D, bà H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Bà L được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 357, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D.

Buộc bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 46.175.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D phải nộp số tiền 2.309.000 đồng (*Hai triệu ba trăm lẻ chín nghìn đồng*).

- Bà Nguyễn Thị L được nhận lại số tiền 1.600.000 đồng (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 010778 ngày 16/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Bùi Trần Thanh Thế

